

A. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

1. Bài 22. Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973)

- Những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam chiến đấu chống “chiến tranh cục bộ” của Mỹ.
- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968): phân tích ý nghĩa thắng lợi và hạn chế của ta.
- Nội dung, đặc điểm chính chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ 1969 - 1972.
- Diễn biến, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

2. Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)

- Bối cảnh, chủ trương của kế hoạch giải phóng miền Nam.
- Diễn biến chính, ý nghĩa của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

3. Bài 24. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975.

- Thuận lợi, khó khăn của nước ta sau Đại thắng Xuân năm 1975.
- Diễn biến quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước
- Diễn biến, nội dung cơ bản và phân tích ý nghĩa của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976).

4. Bài 25: Xây dựng CNXH và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1986)

- Kết quả chủ yếu của công cuộc bảo vệ biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

5. Bài 26: Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 - 2000)

- Những thành tựu và yếu kém của hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Hoàn cảnh lịch sử và yêu cầu tất yếu dẫn đến việc đề ra chủ trương đổi mới đất nước.
- Những nội dung chủ yếu và sự đúng đắn trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị.
- Bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới đất nước.

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18/8/1968, chứng tỏ điều gì?

- A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đánh bại quân viễn chinh Mỹ.
- B. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.
- C. Quân viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.
- D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Câu 2. Các cuộc hành quân chủ yếu trong mùa khô 1965 - 1966 của quân Mỹ và quân Sài Gòn nhằm vào hai hướng chính là

- A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. Đông Nam Bộ và Liên Khu V.
- C. Đông Nam bộ và Nam Trung bộ.
- D. Đông Nam bộ và Tây Nam bộ.

Câu 3. “Chiến tranh cục bộ” bắt đầu từ giữa năm 1965 là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng

- A. quân Mỹ, quân một số nước đồng minh của Mỹ.
- B. quân Mỹ, đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- C. quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- D. quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Câu 4. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam ra đời sau sự kiện nào?

- A. Ngô Đình Diệm bị đảo chính.
- B. Chiến thắng của ta ở Ấp Bắc (Mỹ Tho).
- C. Thất bại của Mỹ trong việc lập ấp chiến lược.
- D. Thất bại của Mỹ trong “Chiến tranh đặc biệt”.

Câu 5. Phạm vi thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ là

- A. Miền Nam.
- B. Cả nước.
- C. Miền Bắc.
- D. Đông Dương.

Câu 6. Đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam là

- A. Hàn Quốc, Anh, Pháp, Úc, Niu Dilân.
- B. Hàn Quốc, Thái Lan, Philipin, Úc, Niu Dilân.
- C. Anh, Ý, Thái Lan, Philipin, Niu Dilân.
- D. Hàn Quốc, Thái Lan, Philipin, Pháp, Niu Dilân.

Câu 7. Mục tiêu của Mỹ trong các cuộc phản công chiến lược hai mùa khô (1965 - 1966 và 1966 - 1967) là

- A. đánh bại chủ lực Quân giải phóng.
- B. bình định miền Nam.
- C. đánh phá đất thánh Việt Cộng.
- D. tiêu hao lực lượng của ta.

Câu 8. Thắng lợi quân sự nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mỹ?

- A. Bình Giã.
- B. Núi Thành.
- C. Vạn Tường.
- D. Đồng Xoài.

Câu 9. Sau thắng lợi nào của ta Mĩ chấp nhận đến đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam?

- A. Vạn Tường (Quảng Ngãi). B. Hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967).
C. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968. D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 10. Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc vì

- A. thất bại trong “*Chiến tranh cục bộ*” ở miền Nam.
B. thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.
C. nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.
D. thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc cuối năm 1968.

Câu 11. Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng nhanh về số lượng trong chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965 - 1968)?

- A. Quân đội tay sai Sài Gòn. B. Cố vấn Mĩ. C. Đồng minh Mĩ. D. Quân Mĩ.

Câu 12. Điểm giống nhau cơ bản nhất giữa “*chiến tranh cục bộ*” và “*Việt Nam hóa chiến tranh*” là hình thức

- A. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ.
B. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
C. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Mỹ là chủ yếu.
D. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Câu 13. Điểm khác biệt lớn nhất giữa chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” và “*chiến tranh đặc biệt*” là

- A. Được tiến hành bằng quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.
B. Được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn với vũ khí, trang bị kĩ thuật và phương tiện chiến tranh của Mĩ
C. Được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân Mĩ.
D. Được tiến hành bằng quân Mĩ, trang bị kĩ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại.

Câu 14. Ý nghĩa lớn nhất cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu thân 1968 là

- A. buộc Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc. B. buộc Mĩ ngồi vào bàn đàm phán với ta tại hội nghị Pa ri.
C. buộc Mĩ tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược. D. mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến.

Câu 15. Qua thất bại “*chiến tranh đặc biệt*”, Mĩ đã rút ra bài học gì cho “*chiến tranh cục bộ*” ở miền Nam?

- A. Mở rộng chiến tranh toàn Đông Dương. B. Quân Mĩ và đồng minh Mĩ trực tiếp tham chiến.
C. Cần tiếp tục tăng cường chiến tranh xâm lược. D. Vận động Quốc hội Mĩ ủng hộ cuộc chiến tranh.

Câu 16. Sau Hiệp định Pa-ri 1973, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây không đúng?

- A. Quân Mĩ và đồng minh rút về nước, nguy quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.
B. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.
C. Miền Bắc hòa bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.
D. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đầy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

Câu 17. Thái độ của Mĩ sau khi mất Phước Long (6 - 1 - 1975) như thế nào?

- A. Phản ứng mạnh. B. Phản ứng mang tính chất thăm dò. C. Phản ứng yếu ớt. D. Không phản ứng.

Câu 18. Hoàn cảnh lịch sử nào sau Hiệp định Pa-ri 1973 có ảnh hưởng trực tiếp đến miền Bắc?

- A. Quân Mĩ và đồng minh rút hết về nước. B. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta.
C. Miền Bắc trở lại hòa bình. D. Miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam.

Câu 19. Chiến dịch Tây Nguyên đã diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

- A. Từ ngày 4/3 đến ngày 24/3/1975. B. Từ ngày 10/3 đến ngày 24/3/1975.
C. Từ ngày 10/3 đến ngày 20/3/1975. D. Từ ngày 4/3 đến ngày 20/3/1975.

Câu 20. Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông – Xuân 1974 - 1975 là gì?

- A. Chiến thắng đường 9 - Nam Lào. B. Đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mĩ-ngụy.
C. Chiến dịch đường 14 - Phước Long. D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 21. Sau chiến thắng Tây Nguyên, ngày 25/3/1975, Trung ương đã họp và ra nghị quyết khẳng định: “*Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kĩ thuật và vật chất giải phóng Miền Nam trước ...*”.

- A. Trước mùa đông 1975. B. Trước mùa khô 1975.
C. Trước mùa thu 1975. D. Trước mùa mưa 1975.

Câu 22. Tình hình nhiệm vụ của miền Bắc thời kì 1973 - 1975 có gì khác trước?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh.
B. Khôi phục, phát triển kinh tế - văn hóa.
C. Tiếp tục chi viện cho miền Nam và chiến trường Lào, Cam-pu-chia.
D. Không làm nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ.

Câu 23. “Bất kì trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, ngoài ra không có con đường nào khác”. Hãy nêu xuất xứ câu nói trên.

- A. Trong Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (tháng 1 - 1959).
- B. Trong Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (tháng 7 - 1973).
- C. Trong Hội nghị Bộ Chính trị (từ ngày 30 - 2 đến 7 - 10 - 1973).
- D. Trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ ngày 18 - 12 - 1974 đến 8 - 1 - 1975).

Câu 24. Kẻ thù của cách mạng miền Nam được xác định trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 tháng 7 năm 1973 là

- A. chính quyền Sài Gòn và Ngô Đình Diệm.
- B. chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và bọn phản động.
- C. đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.
- D. chính quyền phản động miền Nam và Mỹ.

Câu 25. Lúc 10 giờ 45 phút ngày 30 - 4 - 1975 diễn ra sự kiện quan trọng nào ở Sài Gòn?

- A. Dương Văn Minh kêu gọi “ngừng bắn để triều đình giao chính quyền”.
- B. Xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.
- C. Lá cờ cách mạng tung bay trên Phủ tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 26. Sau khi thất thủ ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch phải lùi về phòng ở đâu?

- A. Ở Cam Ranh.
- B. Ở Nha Trang.
- C. Ở Phan Rang.
- D. Ở Xuân Lộc.

Câu 27. Hành động của Mỹ ở miền Nam sau Hiệp định Pari 1973 là

- A. rút hết quân đội và cố vấn quân sự khỏi miền Nam.
- B. giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
- C. Mỹ hóa trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. Thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho ta.

Câu 28. Ai là Tổng thống cuối cùng của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa?

- A. Nguyễn Văn Thiệu.
- B. Nguyễn Cao Kỳ.
- C. Trần Văn Hương.
- D. Dương Văn Minh.

Câu 29. Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- B. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
- C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.
- D. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

Câu 30. Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

- A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.
- B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.
- C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
- D. Sự giúp đỡ của nhà nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 31. Hội nghị hiệp thương chính trị giữa đoàn đại biểu hai miền Bắc - Nam Việt Nam (tháng 11/1975) đã họp ở đâu?

- A. Hà Nội.
- B. Sài Gòn.
- C. Đà Nẵng.
- D. Huế.

Câu 32. Ngày 20/9/1977, Việt Nam là thành viên thứ mấy của Liên hợp quốc?

- A. Thành viên thứ 110.
- B. Thành viên thứ 149.
- C. Thành viên thứ 150.
- D. Thành viên thứ 160.

Câu 33. Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?

- A. 21/11/1975.
- B. 25/4/1976.
- C. 02/7/1976.
- D. 18/12/1980.

Câu 34. Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ai?

- A. Hồ Chí Minh.
- B. Trường Chinh.
- C. Tôn Đức Thắng.
- D. Phạm Văn Đồng.

Câu 35. Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước tại Hội nghị lần thứ bao nhiêu?

- A. Hội nghị lần thứ 19.
- B. Hội nghị lần thứ 20.
- C. Hội nghị lần thứ 22.
- D. Hội nghị lần thứ 24.

Câu 36. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước giữa hai miền Nam - Bắc Việt Nam (tháng 11/1975), đã thông qua vấn đề gì?

- A. Lấy tên là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.
- D. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 37. Sự kiện đánh dấu việc Việt Nam hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là

- A. kì họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI (1976).
- B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (1976).

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 (1975).

D. Hội nghị Hiệp thương chính trị giữa hai miền Nam - Bắc (1975).

Câu 38. Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1976) đã

A. tạo khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

B. đánh dấu việc hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh.

C. tạo điều kiện hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. đánh dấu sự hoàn thành thống nhất đất nước về hệ thống chính trị.

Câu 39. Cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. Chính phủ. B. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. C. Quốc hội. D. Tòa án nhân dân tối cao.

Câu 40. Đâu không phải nguyên nhân để Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Hai miền vẫn còn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

B. Nguyên vọng của nhân dân cả nước là sớm có một chính phủ thống nhất.

C. Quy luật phát triển của lịch sử Việt Nam là thống nhất.

D. Để thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ “đánh cho Ngụy nhào”.

Câu 41. Mặc dù hòa bình, thống nhất đã đến với dân tộc Việt Nam, nhưng những di hại về sự chia cắt đất nước trong 21 năm vẫn còn tồn tại. Theo anh(chị) một trong những di hại đó là gì

A. Vấn đề hòa hợp dân tộc giữa các lực lượng ở Việt Nam.

B. Vấn đề chất độc màu da cam.

C. Vấn đề dò phá bom mìn ở Việt Nam.

D. Vấn đề tạo ra sự cân bằng về trình độ phát triển giữa hai miền Nam- Bắc.

Câu 42. Trong giai đoạn 1975 – 1979, nhân dân ta phải tiến hành các cuộc chiến đấu bảo vệ

A. biên giới phía Bắc và biên giới Tây Nam.

B. biên giới phía Đông và biên giới phía Tây.

C. biên giới phía Nam và biên giới Đông Bắc.

D. biên giới phía Tây và biên giới Tây Nam.

Câu 43. Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.

B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn-pốt - Iêng-xê-ri.

C. Tăng cường tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia.

Câu 44. Chiến tranh biên giới phía Bắc bùng nổ trong thời gian nào?

A. Từ ngày 07/01/1979 đến ngày 05/3/1979.

B. Từ ngày 17/01/1979 đến ngày 18/3/1979.

C. Từ ngày 17/02/1979 đến ngày 18/3/1979.

D. Từ ngày 17/02/1979 đến ngày 05/3/1979.

Câu 45. Sự kiện mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam nước ta của Campuchia là

A. 22/12/1978, chúng huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Tây Ninh.

B. 22/12/1978, chúng huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Hà Tiên.

C. 22/12/1978, chúng huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Long An.

D. 22/12/1978, chúng huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Bình Phước.

Câu 46. Hành động thù địch chống Việt Nam của tập đoàn Pôn Pốt được một số lãnh đạo nước nào đồng tình ủng hộ?

A. Liên Xô.

B. Cuba.

C. Triều Tiên.

D. Trung Quốc.

Câu 47. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng những hành động của Trung Quốc làm tổn hại đến tình hữu nghị Việt - Trung cuối 1978 đầu 1979?

A. Cho quân khiêu khích dọc biên giới phía Bắc của Việt Nam.

B. Dựng lên sự kiện “nạn kiều”.

C. Cắt viện trợ, rút hết các chuyên gia về nước.

D. Giúp đỡ Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam.

Câu 48. Chiến thắng biên giới phía Bắc (1979) của Việt Nam có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo ra bước ngoặt để cả nước tiến hành đổi mới đất nước.

B. Bảo vệ vững chắc vùng biên giới phía Bắc.

C. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.

D. Đưa đất nước bước vào thời kì bình ổn, tăng trưởng nhanh về kinh tế.

Câu 49. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) đã diễn ra trên quy mô bao nhiêu tỉnh?

A. 4 tỉnh.

B. 5 tỉnh.

C. 6 tỉnh.

D. 7 tỉnh.

Câu 50. Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước như thế nào?

A. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất – kĩ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp.

B. Năng suất lao động và hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

C. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.

D. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế-xã hội.

Câu 51. Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh thế giới như thế nào?

A. Tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước có nhiều thay đổi, Liên Xô và các nước XHCN lâm vào khủng hoảng toàn diện, trầm trọng.

B. Hệ thống XHCN thế giới sụp đổ, Liên Xô tan rã, phong trào cách mạng thế giới thoái trào.

C. Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ quốc tế chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

D. Hòa bình thế giới được củng cố, nhưng xung đột, khủng bố vẫn diễn ra ở một số khu vực.

Câu 52. Đại hội nào của Đảng ta đã mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước?

A. Đại hội V (1982).

B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991).

D. Đại hội VIII (1996).

Câu 53. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kì đại hội nào của Đảng?

A. Đại hội IV, Đại hội V, Đại hội VI.

B. Đại hội V, Đại hội VI, Đại hội VII.

C. Đại hội V, Đại hội VI, Đại hội VIII.

D. Đại hội VII, Đại hội VIII, Đại hội IX.

Câu 54. Ba chương trình kinh tế nào được đưa ra trong kế hoạch nhà nước 5 năm 1986 - 1990?

A. Nông-Lâm -Ngư nghiệp.

B. Vườn - Ao - Chuồng.

C. Lương thực-thực phẩm -Hàng xuất khẩu.

D. Lương thực - Thực phẩm - Hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Câu 55. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị là

A. đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế - chính trị đến tổ chức.

B. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

C. phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng con người mới.

D. đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới về chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Câu 56. Đường lối đổi mới của Đảng ta là đổi mới toàn diện, nhưng trọng tâm là đổi mới trong lĩnh vực nào?

A. Chính trị.

B. Kinh tế.

C. Văn hóa.

D. Xã hội.

Câu 57. Công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn (1986 - 1990) bước đầu đạt được thành tựu, trước tiên trong việc thực hiện các mục tiêu của

A. Ba chương trình kinh tế.

B. kinh tế đối ngoại.

C. tài chính - tiền tệ.

D. kinh tế - xã hội.

Câu 58. Một trong những hạn chế của công cuộc đổi mới giai đoạn (1986 - 1990) trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển là gì?

A. Trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm.

B. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp.

C. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở mức cao, hiệu quả kinh tế thấp.

D. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất-kỹ thuật lạc hậu.

Câu 59. Thành tựu kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1986 - 1990 là

A. hàng xuất khẩu tăng gấp 1,5 lần.

B. hàng xuất khẩu tăng gấp 2 lần.

C. hàng xuất khẩu tăng gấp 2,5 lần.

D. hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần.

Câu 60. Chủ trương đổi mới về kinh tế được Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đề ra là gì?

A. Phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp.

B. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

C. Phát triển công-nông nghiệp, thủ công nghiệp theo hướng hàng hóa.

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

Câu 61. Tại sao Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới đất nước?

A. Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện, tình hình thế giới có nhiều thuận lợi.

B. Tình hình trong nước có nhiều thuận lợi, Đảng đổi mới để nắm bắt thời cơ.

C. Đất nước đang trên đà phát triển và được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 62. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. Làm cho mục tiêu đã đề ra được nhanh chóng thực hiện.

D. Làm cho mục tiêu đã đề ra thực hiện có hiệu quả và phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 63. Xây dựng nền dân chủ XHCN, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

A. Kinh tế.

B. Chính trị.

C. Văn hóa.

D. Xã hội.

- Câu 64.** Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?
 A. Phát triển kinh tế đối ngoại. B. Kiểm chế được lạm phát.
 C. Thực hiện được ba chương trình kinh tế. D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.
- Câu 65.** Nguyên nhân nào sau đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế- xã hội trong những năm 1980-1985?
 A. Do hậu quả chiến tranh. B. Do sai lầm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, quản lý.
 C. Do chính sách cấm vận của Mỹ. D. Do quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng.
- Câu 66.** Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới là gì?
 A. Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
 B. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.
 C. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.
 D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.
- Câu 67.** Nguyên nhân quyết định làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta là
 A. sự lãnh đạo sang suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
 B. tinh thần đoàn kết, lao động cần cù của nhân dân Việt Nam.
 C. hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, sự giúp đỡ to lớn của bạn bè thế giới.
 D. tinh đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân ba nước Đông Dương.
- Câu 68.** Điểm khác nhau về chính sách đối ngoại sau thời kì đổi mới so với trước đó là
 A. Việt Nam muốn là bạn với các nước trên thế giới. B. Việt Nam chủ yếu quan hệ với các nước XHCN.
 C. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước Châu Âu. D. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước ASEAN.
- Câu 69.** Hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động nhằm mục đích gì là chủ yếu nhất?
 A. Để tiện lợi cho việc sản xuất. B. Để giải phóng sức lao động ở nông thôn.
 C. Để loại bỏ các hiện tượng tiêu cực. D. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.
- Câu 70.** Vì sao trong đường lối đổi mới (1986), Đảng chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm?
 A. Do đất nước đang khủng hoảng kinh tế trầm trọng. B. Do đất nước đang thiếu lương thực trầm trọng.
 C. Do hàng hóa trên thị trường khan hiếm. D. Do yêu cầu giải quyết việc làm cho nhân dân.
- Câu 71.** Thành tựu cơ bản nhất của nước ta sau 20 năm (1986 - 2000) tiến hành công cuộc đổi mới là gì?
 A. Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn của thế giới.
 B. Hàng hóa trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông thuận lợi.
 C. Đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.
 D. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng về quy mô và hình thức.
- Câu 72.** Một trong những điểm mới của Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) so với Đại hội Đảng lần thứ V (1982) là gì?
 A. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì lâu dài nhưng gặp nhiều thuận lợi.
 B. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì lâu dài, khó khăn và trải qua nhiều giai đoạn.
 C. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu cấp thiết và quyết tâm thực hiện.
 D. Đảng nhận thức được phải đổi mới để nhanh chóng đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- Câu 73.** Yếu tố quyết định nhất dẫn đến sự thành công trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới là
 A. đổi mới kinh tế-chính trị. B. đổi mới về văn hóa -xã hội.
 C. đổi mới về tư duy, nhất là tư duy về kinh tế. D. đổi mới về chính sách đối ngoại.
- Câu 74.** Một trong những bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng ta rút ra trong thời kì đầu đổi mới là
 A. huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.
 B. tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong khu vực.
 C. duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước.
 D. đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình.

---HẾT---

DUYỆT CỦA BGH